




























STT	SẢN PHẨM	SỐ LƯỢNG (cái/kg)	TRỌNG LƯỢNG (gam/cái)	ĐƠN GIÁ (vnd/kg)					
				MẠ TRẮNG XANH		MẠ 7 MÀU		MẠ KẼM TRẮNG	
I	Bulong Đai ốc, đinh, vít (Các sản phẩm tương tự)	1	1000 trở lên	2,500		3,000		2,500	
		2-4	250-500	2,600		3,100		2,600	
		5-10	100-200	2,700		3,200		2,700	
		11-20	50-90	2,800		3,300		2,800	
		21-30	33-49	2,900		3,400		2,900	
		31-50	20-32	3,200		3,700		3,200	
		51-100	10-19	3,500		4,000		3,500	
II	Pát thép, bản lề Tay nâng, giá đỡ Ke góc L, U, I, Z (Các sản phẩm tương tự)	1	1000 trở lên	4,000		4,500		4,000	
		2-4	250-500	4,200		4,700		4,200	
		5-10	100-200	4,300		4,800		4,300	
		11-20	50-90	4,500		5,000		4,500	
		21-30	33-49	4,700		5,200		4,700	
		31-50	20-32	5,000		5,500		5,000	
		51-100	10-19	5,100		5,600		5,100	
III	Bản mã thép (Các sản phẩm tương tự)	1	1000 trở lên	4,000		4,500		4,000	
		2-4	250-500	4,200		4,700		4,200	
		5-10	100-200	4,500		5,000		4,500	
		11-20	50-90	4,600		5,100		4,600	
		21-30	33-49	4,700		5,200		4,700	
		31-50	20-32	4,900		5,400		4,900	
		51-100	10-19	5,000		5,500		5,000	
IV	Khóa cáp thép Tăng đơ thép (Các sản phẩm tương tự)	1	1000 trở lên	3,000		3,500		3,000	
		2-4	250-500	3,200		3,700		3,200	
		5-10	100-200	3,300		3,800		3,300	
		11-20	50-90	3,400		3,900		3,400	
		21-30	33-49	3,500		4,000		3,500	
		31-50	20-32	3,600		4,100		3,600	
		51-100	10-19	3,700		4,200		3,700	

V	1	Dây xích Vòng võng, móc treo (Các sản phẩm tương tự)	1	1000 trở lên	3,000		3,500		3,000	
	2		2-4	250-500	3,200		3,700		3,200	
	3		5-10	100-200	3,200		3,700		3,200	
	4		11-20	50-90	3,200		3,700		3,200	
	5		21-30	33-49	3,500		4,000		3,500	
	6		31-50	20-32	3,500		4,000		3,500	
	7		51-100	10-19	3,500		4,000		3,500	
VI	1	Lò xo nén (Các sản phẩm tương tự)	1	1000 trở lên	4,000		4,500		4,000	
	2		2-4	250-500	4,200		4,700		4,200	
	3		5-10	100-200	4,300		4,800		4,300	
	4		11-20	50-90	4,500		5,000		4,500	
	5		21-30	33-49	4,600		5,100		4,600	
	6		31-50	20-32	5,000		5,500		5,000	
	7		51-100	10-19	5,200		5,700		5,200	
VII	1	Đai treo ống nước Cùm omega (Các sản phẩm tương tự)	1	1000 trở lên	4,000		4,500		4,000	
	2		2-4	250-500	4,200		4,700		4,200	
	3		5-10	100-200	4,300		4,800		4,300	
	4		11-20	50-90	4,500		5,000		4,500	
	5		21-30	33-49	4,600		5,100		4,600	
	6		31-50	20-32	5,000		5,500		5,000	
	7		51-100	10-19	5,200		5,700		5,200	
VIII	1	Móc lún trần địa Cọc thép tròn đặc (Các sản phẩm tương tự)	1	1000 trở lên	2,800		3,300		2,800	
	2		2-4	250-500	3,000		3,500		3,000	
	3		5-10	100-200	3,100		3,600		3,100	
	4		11-20	50-90	3,200		3,700		3,200	
	5		21-30	33-49	3,300		3,800		3,300	
	6		31-50	20-32	3,500		4,000		3,500	
	7		51-100	10-19	3,600		4,100		3,600	

VIII	1	Khớp nối, cút nối ống (Các sản phẩm tương tự)	1	1000 trở lên	3,500		4,000		3,500	
	2		2-4	250-500	3,600		4,100		3,600	
	3		5-10	100-200	3,700		4,200		3,700	
	4		11-20	50-90	3,800		4,300		3,800	
	5		21-30	33-49	4,000		4,500		4,000	
	6		31-50	20-32	4,100		4,600		4,100	
	7		51-100	10-19	4,200		4,700		4,200	
IX	1	Cùm nối Kẹp giàn giáo (Các sản phẩm tương tự)	1	1000 trở lên	3,500		4,000		3,500	
	2		2-4	250-500	3,600		4,100		3,600	
	3		5-10	100-200	3,700		4,200		3,700	
	4		11-20	50-90	3,800		4,300		3,800	
	5		21-30	33-49	3,900		4,400		3,900	
	6		31-50	20-32	4,000		4,500		4,000	
	7		51-100	10-19	4,200		4,700		4,200	
X	1	Đầu nối nhanh (Các sản phẩm tương tự)	1	1000 trở lên	3,000		3,500		3,000	
	2		2-4	250-500	3,200		3,700		3,200	
	3		5-10	100-200	3,300		3,800		3,300	
	4		11-20	50-90	3,500		4,000		3,500	
	5		21-30	33-49	3,600		4,100		3,600	
	6		31-50	20-32	3,800		4,300		3,800	
	7		51-100	10-19	3,900		4,400		3,900	
XI	1	Lông đèn, tắc kê (Các sản phẩm tương tự)	1	1000 trở lên	4,100		4,600		4,100	
	2		2-4	250-500	4,300		4,800		4,300	
	3		5-10	100-200	4,400		4,900		4,400	
	4		11-20	50-90	4,500		5,000		4,500	
	5		21-30	33-49	4,700		5,200		4,700	
	6		31-50	20-32	5,000		5,500		5,000	
	7		51-100	10-19	5,200		5,700		5,200	